

Bản án số: 384/2024/HS-PT

Ngày 07-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Yến;

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Nhật Tân;

Ông Phạm Năng Thành.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Tiệp Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 311/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

VŨ VĂN D; sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: P, chung cư A N, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Vũ Văn U và con bà: Đặng Thị H1 (đã chết); vợ: Đào Thị Thu H2 (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 06/9/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, từ năm 2015 chị Dương Thị Thanh T quen biết với Vũ Văn D. Mặc dù không có chức năng nhiệm vụ và khả năng đưa người đi lao động xuất khẩu nhưng khoảng đầu tháng 04/2017, D gọi điện cho chị T nói đang tuyển lao động đi xuất khẩu tại nước Úc và nhờ chị T giới thiệu khách có nhu cầu đi xuất khẩu lao động. Do tin tưởng D, nên chị T đã giới thiệu 03 khách có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Úc cho D.

Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/4/2017, chị T đi cùng anh Lê Tuấn K đến Trung tâm X thuộc công ty V tại địa chỉ số B phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây, D tự giới thiệu là Giám đốc công ty C có đơn hàng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Úc với mức lương cao. Sau khi nghe D tư vấn, anh K đã đặt cọc cho D 68.000.000 đồng, D viết giấy biên nhận tiền và hứa chậm nhất 06 tháng anh K sẽ được đi xuất khẩu lao động tại Úc.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ 00 ngày 15/5/2017, chị T đi cùng anh Nguyễn Văn T1 đến địa chỉ nêu trên gặp D. Tại đây D tiếp tục tư vấn cho anh T1 tương tự như anh K và thu 60.000.000 đồng tiền đặt cọc của anh T1, D viết giấy biên nhận tiền và hứa hẹn sau 04-06 tháng sẽ đưa được anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Úc.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ 00 ngày 15/5/2017, chị T đi cùng anh Nguyễn Văn T1 đến địa chỉ nêu trên gặp D. Tại đây D tiếp tục tư vấn cho anh T1 tương tự như anh K và thu 60.000.000 đồng tiền đặt cọc của anh T1, D viết giấy biên nhận tiền và hứa hẹn sau 04 tháng đến 06 tháng sẽ đưa được anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Úc.

Lần thứ 3: Đến ngày 10/7/2017, chị T chuyển khoản vào số 1240201201443 mang tên Vũ Văn D tại ngân hàng A số tiền 63.000.000 đồng để đặt cọc cho anh Chu Tuấn D1 đi xuất khẩu lao động tại nước Úc.

Sau khi nhận tiền đặt cọc của các anh Lê Tuấn K, Nguyễn Văn T1 và chị Dương Thị Thanh T. Vũ Văn D không có hoạt động hoặc thủ tục nào để đưa được các lao động đi xuất khẩu lao động, tổng số tiền đặt cọc 191.000.000 đồng của 03 người là anh Lê Tuấn K, anh Nguyễn Văn T1, chị Dương Thị Thanh T, D đã chi tiêu cá nhân và không có khả năng hoàn trả tiền cho các lao động nên cắt liên lạc với gia đình, người thân.

Ngày 18/7/2023 Vũ Văn D bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận mà D viết cho các anh Lê Tuấn K, anh Nguyễn Văn T1 khi nhận tiền.

** Tại Kết luận giám định số 4547/C09-P5 ngày 31/8/2018, V1 - Bộ C1 kết luận:* Chữ viết đứng tên Vũ Văn D trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên Vũ Văn D trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra. Chữ ký đứng tên Vũ Văn D trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Vũ Văn D trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký ra.

** Theo kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H:* Vũ Văn D thành lập Công ty Cổ phần C vào năm 2016, trụ sở chính tại số C B, H, H, Hà Nội. Tuy nhiên hiện nay Công ty không còn hoạt động và Chi cục thuế quận H đã có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh. Công ty Cổ phần C do Vũ Văn D làm Giám đốc không được Bộ L cấp giấy phép trong việc hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

** Kết quả xác minh tại Công ty C2 (công ty V) xác định:* Công ty V được Bộ L cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người đi làm việc tại nước ngoài. Công ty V không tuyển dụng lao động tại nước Úc mà chỉ hoạt động tại thị trường Đài Loan và Nhật Bản. Công ty V bổ nhiệm chị Đào Thị Thu H2 làm Giám đốc chi nhánh của công ty, gọi là Trung tâm X. Trung tâm này không có chức năng, nhiệm vụ trong việc thu tiền cũng như làm thủ tục cho các lao động đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Vũ Văn D không phải là nhân viên công ty V. Tại Cơ quan điều tra, chị Đào Thị Thu H2 khai: Chị H2 là vợ cũ của D, đã ly hôn năm 2010. Việc D tự nhận là Giám đốc trung tâm X để nhận tiền của các lao động như nội dung trên, chị H2 khẳng định không biết và không liên quan.

** Kết quả xác minh từ Cục Đ1 - Bộ C1 cho thấy:* Đại sứ quán Ú không tìm thấy dữ liệu hoặc hồ sơ xin thị thực của các anh Lê Tuấn K, anh Nguyễn Văn T1 và anh Chu Tuấn D1.

Cơ quan điều tra đã sao kê số tài khoản 1240201201443 mang tên Vũ Văn D tại ngân hàng A, chi nhánh H3, kết quả: ngày 10/7/2017, chị Dương Thị Thanh T đã chuyển khoản cho D số tiền 63.000.000 đồng với nội dung chuyển tiền “Duong Thi Thanh T2 dat coc Chu Tuan D2”.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Cơ quan điều tra đã phối hợp với B đăng thông báo tìm bị hại đã nộp tiền cho Vũ Văn D để đi xuất khẩu lao động tuy nhiên đến nay chưa tiếp nhận thêm bị hại nào có liên quan đến Vũ Văn D. Quá trình điều tra, chị Vũ Thị Đ là em gái của D đại diện gia đình nộp lại số tiền 191.000.000 đồng cho Cơ quan để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 54 ngày 18/8/2023 bằng hình thức trao trả lại cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 60.000.000 đồng, trao trả cho chị Dương Thị Thanh T số tiền 63.000.000 đồng. Anh T1 và chị T đã nhận được tiền không có yêu cầu, đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D. Đối với số tiền 68.000.000 đồng, anh Lê Tuấn K không yêu cầu nhận lại và đề nghị sung công số tiền này nên Cơ quan điều tra đã chuyển số tiền này đến Chi cục thi hành án quận Hoàng Mai để chờ xử lý.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 338/2023/HS- ST ngày 27/12/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã quyết định:*

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo: Vũ Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành bản án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 06/9/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

** Ngày 03/01/2024, bị cáo Vũ Văn D có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tích cực phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình điều tr giải quyết vụ án, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, ngày 15/8/2023 em gái*

ruột là bà Vũ Thị Đ đã đại diện cho bị cáo cùng gia đình tự nguyện nộp số tiền 191.000.000 cho cơ quan điều tra. Bị hại là Nguyễn Văn T1 và Dương Thị Thanh T sau khi nhận lại số tiền từ cơ quan điều tra đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phân tích về nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D, sửa bản án sơ thẩm: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành bản án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 06/9/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Vũ Văn D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai ban đầu của các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm, phù hợp lời khai của người có quyền lợi liên quan đến vụ án và những người làm chứng, phù hợp các vật chứng đã thu giữ, và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4/2017 đến ngày 10/7/2017, tại số B phố B, phường H, quận H, Hà Nội, Vũ Văn D đã dùng thủ đoạn gian dối và nhằm tạo lòng tin đối với anh Lê Tuấn K, Nguyễn Văn T1 và chị Dương Thị Thanh T tự nhận mình là Giám đốc công ty có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, sau đó tư vấn, hứa hẹn và đưa anh Lê Tuấn K, anh Nguyễn Văn T1 và anh Chu Tuấn D1 sang Úc lao động để chiếm đoạt của anh K số tiền 68.000.000 đồng, anh T1 số tiền 60.000.000 đồng và chị T 63.000.000 đồng (chị T đặt cọc cho anh Chu Tuấn D1) qua các hình thức chuyển tiền qua ngân hàng và đưa tiền mặt cho D1. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là: 191.000.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu đồng).

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Văn D đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn D thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân, đúng như quy kết của Bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Bị cáo Vũ Văn D đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin sai sự thật để lấy lòng tin của những người bị hại và chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi

của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Mặc dù không có chức năng tuyên dụng lao động đi xuất khẩu tại nước Úc nhưng bị cáo Vũ Văn D đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối và thực hiện chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho người bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo để áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng để giáo dục, cải tạo là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm đã tuyên mức hình phạt 4 năm 6 tháng tù đối với bị cáo Vũ Văn D là có phần nghiêm khắc. Xét việc bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung; thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 338/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành bản án (được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 06/9/2023).

2. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Văn D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HẢI YẾN